

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1 Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm trang phục bảo hộ lao động và trang phục bảo vệ năm 2026.

- Gói thầu thuộc kế hoạch mua sắm phục vụ công tác sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp được Tổng Công ty Phát điện 3 giao tại Quyết định số 386/QĐ-GENCO3 ngày 31/01/2026 của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP về việc giao các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2026.

- **Phạm vi công việc:** Trang bị trang phục BHLĐ cho CBCNV trực tiếp sản xuất tại Công ty, tổng cộng là 195 người, số lượng **380** bộ; Trang bị trang phục cho lực lượng bảo vệ do Công ty biên chế, tổng cộng là 06 người, trong đó trang bị trang phục quần, áo: **12** bộ và Áo khoác: **06** cái.

- **Thời gian thực hiện gói thầu:** 120 ngày.

- **Thời gian thực hiện hợp đồng:** 134 ngày (Trong đó: Thời gian thực hiện gói thầu 120 ngày (gồm Thời gian bàn giao hàng hóa: trong vòng từ 90 ngày và Thời gian kiểm tra, thử nghiệm, cung cấp chứng từ trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hàng hóa và chứng từ) và thời gian thanh toán trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhà thầu nộp đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán cho Chủ đầu tư).

1.2 Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về mẫu vải, quy cách, màu sắc và các đặc tính kỹ thuật

Yêu cầu về mẫu vải, quy cách, màu sắc và các đặc tính kỹ thuật của trang phục bảo hộ lao động (BHLĐ) và trang phục bảo vệ như Phụ lục Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa kèm theo.

Nhà thầu có thể chào hàng hóa với thông số kỹ thuật cụ thể nêu tại Phụ lục Yêu cầu kỹ thuật hoặc hàng hóa có nhãn hiệu khác với thông số kỹ thuật tương đương nhưng phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, giấy chứng nhận mẫu vải, kèm theo văn bản chứng minh sự tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa được nêu. “Tương đương” nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có cùng tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ với hàng hóa được nêu. Nếu có sự khác biệt giữa biểu thông số kỹ thuật chi tiết (được nhà thầu kê khai khi chứng minh tương đương) và catalog trong E-HSDT thì lấy catalog của nhà sản xuất làm cơ sở đánh giá.

BẢNG SỐ 1: YÊU CẦU KỸ THUẬT

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật/Nhãn hiệu/ký mã hiệu hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ trang phục bảo hộ lao động	Quần áo BHLĐ: Vải Thành Công, kaki thun có biên chỉ thêu:	Bộ	380

		- Thành phần vải: 23.3 rayon, 3.2 spandex, 73.5% polyester, chéo 2/1; trọng lượng riêng khoảng: 200-225 (g/m²); - Đặc tính: Vải ít phai màu khi giặt, không bám bụi, thoáng mát và thấm hút mồ hôi, chống tĩnh điện, không tích điện, phù hợp để sử dụng trong môi trường có dầu nhớt, môi trường điện từ trường cao; - Màu sắc: + Màu trang phục: Màu cam, mã màu: CMYK C0M60Y100K0 (hình ảnh đính kèm). + Dải phản quang: Màu cam, mã màu: C0 M78 Y70 K0 (hình ảnh đính kèm). - Quy cách: Như đồng phục BHLĐ trong đơn vị Phát điện của các Tổng Công ty (hình ảnh đính kèm). - Biển tên: vị trí đặt biển tên tại ngực phải, đối xứng với vị trí nhãn hiệu tại ngực trái. Kích thước biển tên tương đương kích thước nhãn hiệu tại ngực trái. (hình ảnh như đính kèm). - Logo: đặt tại ngực trái, áp dụng Logo Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3) (hình ảnh như đính kèm)		
2	Bộ trang phục cho nhân viên bảo vệ	- Vải áo: Màu xanh dương, thoáng mát, thấm mồ hôi; thành phần nguyên liệu: 64% Polyester natures trength (sợi tổng hợp co giãn tự nhiên), 34% Cotton, 2% Spandex; kiểu dệt: 45*45 (co giãn 4 chiều); mật độ sợi: Dọc 136 sợi/inch (±3%); Ngang: 72 sợi/ inch (±3%); Trọng lượng: khoảng 110g/m². - Vải quần: Màu xanh tím than, thoáng mát, thấm mồ hôi; thành phần nguyên liệu: 83% Polyester, 17% Cotton; kiểu dệt: Chéo 2/1; Trọng lượng: 337g/m (+/-10%). - Quy cách: Theo quy định tại thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2016 của Bộ Công an	Bộ	12
3	Áo khoác cho nhân viên bảo vệ	- Vải áo: Màu xanh tím than, thành phần nguyên liệu: 73% Polyester + 23% Rayon + 4%Spandex; khối lượng vải: 249 g/m². Độ bền màu giặt ở 40 độ C: cấp 4-5; độ bền màu mồ hôi: cấp 4-5; hàm lượng Formaldehyde: không phát hiện. - Quy cách: Theo quy định tại thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2016 của Bộ Công an.	Cái	6

Ghi chú:

*** Nhà thầu phải kê khai đầy đủ thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ của hàng hóa dự thầu để chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa so với yêu cầu kỹ thuật theo Mẫu số 21 làm cơ sở đánh giá E-HSDT theo các nội dung tại Chương 3. Tiêu chuẩn đánh giá (đính kèm lên Hệ thống dưới dạng file PDF).**

1.3 Địa điểm thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện gói thầu

- **Địa điểm giao hàng:** tại Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, số 22 Mai Xuân Thưởng, phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk.

- **Thời gian thực hiện gói thầu:** 120 ngày từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công việc, trong đó:

+ Thời gian bàn giao hàng hóa: trong vòng từ 90 ngày;

+ Thời gian kiểm tra, thử nghiệm, cung cấp chứng từ trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hàng hóa và chứng từ);

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trên chưa bao gồm thời gian thanh toán (14 ngày kể từ ngày nhà thầu nộp đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán cho Chủ đầu tư).

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT Bản cam kết theo Mẫu số 22 tại Chương này hoặc một mẫu khác để cam kết sẽ cung cấp hàng hoá theo địa điểm và thời gian theo các nội dung quy định nêu trên làm cơ sở đánh giá E-HSDT theo các nội dung tại Chương 3. Tiêu chuẩn đánh giá.**

1.4 Yêu cầu về lấy số đo (size) và may mẫu

- Lấy số đo: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Nhà thầu lấy số đo trực tiếp của các nhân sự được may trang phục tại các công trình thủy điện:

+ (1) Công trình thủy điện Buôn Kuốp, địa chỉ: xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk;

+ (2) Công trình thủy điện Buôn Tua Srah, địa chỉ: xã Nam Ka, tỉnh Đắk Lắk;

+ (3) Công trình thủy điện Srêpôk 3, địa chỉ: xã Tân Hòa, tỉnh Đắk Lắk;

+ (4) Khu văn phòng Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, địa chỉ: Số 22 Mai Xuân Thưởng, P. Thành Nhất, T. Đắk Lắk.

- May mẫu: Nhà thầu tiến hành may đo 02 mẫu BHLĐ để Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra các bộ mẫu thông qua hình thức giặt, là, kiểu dáng, mặc thử... Sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận, nhà thầu sẽ tiến hành sản xuất đồng loạt theo mẫu được duyệt. Thời gian may mẫu được tính trong khoảng thời gian cung cấp hàng hóa theo quy định của hợp đồng.

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT Bản cam kết theo Mẫu số 22 tại Chương này hoặc một mẫu khác để cam kết sẽ lấy số đo (size) và may mẫu theo các nội dung quy định nêu trên làm cơ sở đánh giá E-HSDT theo các nội dung tại Chương 3. Tiêu chuẩn đánh giá (đính kèm lên Hệ thống dưới dạng file PDF).**

1.5 Yêu cầu về thử nghiệm mẫu vải

- Chủ đầu tư sẽ chọn 01 bộ trang phục ngẫu nhiên trong số trang phục được cung cấp để nhà thầu gửi đơn vị có chức năng tiến hành kiểm định (thử nghiệm) mẫu vải. Kết quả kiểm định (thử nghiệm) là cơ sở để tiến hành nghiệm thu. Nhà thầu chịu trách nhiệm cho toàn bộ chi phí liên quan đến việc kiểm định và may hoàn trả bộ trang phục thử nghiệm, kiểm định này.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

- Chỉ tiêu thử nghiệm bao gồm (nhưng không giới hạn): (1) Khối lượng vải (g/m²); (2) Thành phần nguyên liệu; (3) Độ bền màu giặt giữ ở 40°C cho dây màu (Diaxetat, Bông, Polyamit, Polyeste, Acrylic, Len).

1.6 Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật may

Nhà thầu phải cung cấp bản vẽ tiêu chuẩn kỹ thuật may trong đó phải bao gồm (nhưng không giới hạn) các tiêu chí:

- (1) mô tả kiểu dáng trang phục (bao gồm hình vẽ);
- (2) mô tả quy cách may (cắt, mẫu kim, loại chỉ, vắt sổ, khuy, nút, ép keo, đóng gói hoàn thiện sản phẩm...).

1.7 Đóng gói hàng hóa

- Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa để đảm bảo không bị hư hỏng hoặc giảm chất lượng trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ;
- Trang phục được đóng gói theo bộ vào túi ni lông (hoặc tương đương) phù hợp với tên cá nhân theo danh sách được Chủ đầu tư cung cấp. Các bộ trang phục sau khi đóng gói được tập hợp vào thùng giấy (carton) (hoặc tương đương) theo đơn vị cấp tổ, hoặc cấp phòng/phân xưởng phù hợp theo danh sách nêu trên.

1.8 Bảo hành

- Thời hạn bảo hành: ≥ 06 tháng, kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao hàng hóa.
- Hình thức bảo đảm nghĩa vụ bảo hành: Nhà thầu cung cấp một bảo đảm nghĩa vụ bảo hành theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không hủy ngang, không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 23 đính kèm) hoặc bằng hình thức giữ lại một phần giá trị của hợp đồng.
- Giá trị bảo đảm nghĩa vụ bảo hành: 5% giá hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Nếu thực hiện bảo hành bằng hình thức bảo lãnh, hiệu lực của bảo lãnh bảo hành là 07 tháng, kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.
- **Thời hạn hoàn trả giá trị bảo hành:** Bảo lãnh bảo hành sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau thời gian 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu; đồng thời Bên B có văn bản đề nghị hoàn trả bảo đảm nghĩa vụ bảo hành để Bên A thực hiện hoàn trả theo quy định. Bên B phải có trách nhiệm liên hệ với Nhà sản xuất để cung cấp các dịch vụ thuộc nghĩa vụ của Nhà sản xuất là các điều kiện bảo hành theo tiêu chuẩn, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc các dịch vụ sau bán hàng khác.

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT Bản cam kết Mẫu số 22 Chương này hoặc một mẫu khác để chứng minh nhà thầu có khả năng bảo hành, bảo trì và cung cấp hàng hóa thay thế theo đúng các nội dung quy định nêu trên làm cơ sở đánh giá E-HSDT theo các nội dung tại Chương 3. Tiêu chuẩn đánh giá (đính kèm lên Hệ thống dưới dạng file PDF).**

1.9 Chứng từ liên quan

- Giấy chứng nhận kiểm định mẫu vải (bản gốc);
- Chứng chỉ chất lượng trang phục (C/Q).

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT Bản cam kết theo Mẫu số 22 tại Chương này hoặc một mẫu khác để cam kết sẽ cung cấp đầy đủ hồ sơ và chứng từ liên quan theo đúng các nội dung quy định nêu trên làm cơ sở đánh giá E-HSDT theo các nội dung tại Chương 3. Tiêu chuẩn đánh giá (đính kèm lên Hệ thống dưới dạng file PDF).**

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có bản vẽ thiết kế mẫu trang phục bảo hộ lao động như *đính kèm*.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

3.1 Các tài liệu, chứng từ cần cung cấp khi kiểm tra, thử nghiệm:

- + Giấy chứng nhận kiểm định mẫu vải (bản gốc);
- + Chứng chỉ chất lượng trang phục (C/Q);
- + Tài liệu hướng dẫn sử dụng, tài liệu liên quan khác (nếu có).

3.2 Thời gian, địa điểm và cách thức thực hiện

+ Hàng hóa được kiểm tra, thử nghiệm trong vòng 30 ngày, tại Công ty Thủy điện Buôn Kuốp bằng mắt thường và các thiết bị chuyên dụng.

+ Khoảng thời gian nghiệm thu nêu trên không tính vào thời gian thực hiện nghĩa vụ liên quan của nhà thầu. Trường hợp kết quả thử nghiệm không đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu phải thực hiện lại cho đến khi đạt yêu cầu và thời gian thực hiện lại được tính vào thời gian thực hiện nghĩa vụ của nhà thầu được quy định tại hợp đồng.

+ Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền ngưng việc thực hiện hợp đồng với nhà thầu và tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết. Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh theo quy định của Pháp luật. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.

Mục 4. Các yêu cầu khác

4.1 Giá dự thầu:

Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất được xác định đã giảm theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP. Trường hợp tại thời điểm nghiệm thu, xuất hóa đơn nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) thì sẽ áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Nghị định số 174/2025/NĐ-CP: Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội.

4.2 Thanh toán

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhà thầu nộp đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán cho chủ đầu tư.
- Số lần và giá trị thanh toán: 01 lần, 100% giá trị thực hiện.

4.3 Hợp đồng

Nội dung hợp đồng bao gồm các điều khoản được quy định tại **Mẫu số 17** kèm Chương này.

BẢNG ĐỀ XUẤT CHI TIẾT KÝ MÃ HIỆU, NHÃN MÁC VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT (1)

Gói thầu: Mua sắm trang phục bảo hộ lao động và trang phục bảo vệ năm 2026

(Nhà thầu đề xuất)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật, ký mã hiệu, nhãn mác và các tiêu chuẩn của hàng hóa, dịch vụ của Chủ đầu tư (dẫn chiếu đến Cột (3), Bảng số 01, Chương 5 - Yêu cầu kỹ thuật)	Thông số kỹ thuật, ký mã hiệu, nhãn mác và các tiêu chuẩn của hàng hóa, dịch vụ dự thầu	Xuất xứ	Năm sản xuất	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bộ trang phục bảo hộ lao động	Quần áo BHLĐ: Vải Thành Công, kaki thun có biên chỉ thêu: - Thành phần vải: 23.3 rayon, 3.2 spandex, 73.5% polyester, chéo 2/1; trọng lượng riêng khoảng: 200-225 (g/m2); - Đặc tính: Vải ít phai màu khi giặt, không bám bụi, thoáng mát và thấm hút mồ hôi, chống tĩnh điện, không tích điện, phù hợp để sử dụng trong môi trường có dầu nhớt, môi trường điện từ trường cao; - Màu sắc: + Màu trang phục: Màu cam, mã màu: CMYK C0M60Y100K0 (hình ảnh đính kèm). + Dải phản quang: Màu cam, mã màu: C0 M78 Y70 K0 (hình ảnh đính kèm). - Quy cách: Như đồng phục BHLĐ trong đơn vị Phát điện của các Tổng Công ty (hình ảnh đính kèm). - Biển tên: vị trí đặt biển tên tại ngực phải, đối xứng với vị trí nhãn hiệu tại ngực trái. Kích thước biển tên tương đương kích thước nhãn hiệu tại ngực trái. (hình ảnh như đính kèm). - Logo: đặt tại ngực trái, áp dụng Logo Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3) (hình ảnh như đính kèm)				

2	Bộ trang phục cho nhân viên bảo vệ	- Vải áo: Màu xanh dương, thoáng mát, thấm mồ hôi; thành phần nguyên liệu: 64% Polyester natures trength (sợi tổng hợp co giãn tự nhiên), 34% Cotton, 2% Spandex; kiểu dệt: 45*45 (co giãn 4 chiều); mật độ sợi: Dọc 136 sợi/inch ($\pm 3\%$); Ngang: 72 sợi/inch ($\pm 3\%$); Trọng lượng: khoảng 110g/m². - Vải quần: Màu xanh tím than, thoáng mát, thấm mồ hôi; thành phần nguyên liệu: 83% Polyester, 17% Cotton; kiểu dệt: Chéo 2/1; Trọng lượng: 337g/m ($\pm 10\%$). - Quy cách: Theo quy định tại thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2016 của Bộ Công an				
3	Áo khoác cho nhân viên bảo vệ	- Vải áo: Màu xanh tím than, thành phần nguyên liệu: 73% Polyester + 23% Rayon + 4%Spandex; khối lượng vải: 249 g/m². Độ bền màu giặt ở 40 độ C: cấp 4-5; độ bền màu mồ hôi: cấp 4-5; hàm lượng Formaldehyde: không phát hiện. - Quy cách: Theo quy định tại thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2016 của Bộ Công an.				

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi rõ cho từng mục hàng hóa.

BẢN CAM KẾT CUNG CẤP HÀNG HOÁ

Ngày: ____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: Mua sắm trang phục bảo hộ lao động và trang phục bảo vệ năm 2026

Kính gửi: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp

Sau khi nghiên cứu E-HSMT gói thầu: Mua sắm trang phục bảo hộ lao động và trang phục bảo vệ năm 2026, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [Ghi tên nhà thầu];

Số đăng ký kinh doanh: ____ [Ghi số đăng ký kinh doanh của nhà thầu];

Cam kết thực hiện gói thầu: Mua sắm trang phục bảo hộ lao động và trang phục bảo vệ năm 2026 với các thông tin chính như sau:

1) Cung cấp hàng hoá: Cung cấp đầy đủ phạm vi theo yêu cầu của gói thầu, có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, là sản phẩm chính hãng, mới 100%.

2) Địa điểm giao hàng: Theo đúng yêu cầu của E-HSMT: giao hàng tại Công ty Thủy điện Buôn Kuốp số 22 Mai Xuân Thưởng, P. Thành Nhất, T. Đắk Lắk.

3) Cam kết về thực hiện lấy số đo (size) và may mẫu: Theo đúng yêu cầu của E-HSMT.

4) Thời gian giao hàng: Cam kết giao hàng trong vòng ngày

5) Chứng từ liên quan: Cam kết cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận kiểm định mẫu vải (bản gốc);
- Chứng chỉ chất lượng trang phục (C/Q);

6) Bảo hành:

Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo hành Cụ thể:

- Thời hạn bảo hành: ≥ 06 tháng, kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao hàng hóa;
- Nội dung bảo hành: Hàng hóa do Nhà thầu bàn giao được bảo hành đối với hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất và lỗi của Nhà thầu trong suốt thời gian bảo hành. Nhà thầu sẽ cử cán bộ/phối hợp đến kiểm tra, sửa chữa trong vòng 02 ngày làm việc từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.

- Hình thức bảo đảm nghĩa vụ bảo hành: Nhà thầu cung cấp một bảo đảm nghĩa vụ bảo hành theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không hủy ngang, không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo **Mẫu số 23 đính kèm**) hoặc bằng hình thức giữ lại một phần giá trị của hợp đồng.

- Giá trị bảo đảm nghĩa vụ bảo hành: 5% giá hợp đồng.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

MẪU BẢO LÃNH BẢO HÀNH (1)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*Ghi tên Chủ đầu tư*]
(sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng, ngày tháng ký hợp đồng]

Theo điều khoản về bảo hành của hợp đồng, [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm trách nhiệm bảo hành hàng hóa của nhà thầu;

Chúng tôi, ____ [*Ghi tên của ngân hàng*] ở ____ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng*] khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm điều khoản về bảo hành của hợp đồng.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với trách nhiệm bảo hành mà nhà thầu thực hiện theo điều kiện hợp đồng và các khoản thanh toán mà ngân hàng thực hiện theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm nghĩa vụ bảo hành là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Hợp đồng.

HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: Mua sắm trang phục bảo hộ lao động và trang phục bảo vệ năm 2026

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;
- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-HĐTV ngày 12/02/2026 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy chế mua sắm (sau đây tắt là “Quy chế 30”) kèm theo Văn bản số 576/GENCO3-QLĐTXD ngày 15/02/2026 của Tổng Công ty Phát điện 3 về việc hướng dẫn và triển khai áp dụng Quy chế mua sắm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Căn cứ Giấy ủy quyền số 1393/UQ-GENCO3 ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Phát điện 3 - CTCP;
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà gói thầu Mua sắm trang phục bảo hộ lao động và trang phục bảo vệ năm 2026 và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư.
- Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng số ____ đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp

Địa chỉ: Số 22 Mai Xuân Thuường, P. Thành Nhất, T. Đắk Lắk, VN

Điện thoại/ Fax: 0262 3959529/ 3959589

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tài khoản: Số 110000045399, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk

Mã số thuế: 3502208399-001

Đại diện là ông: Trần Văn Khánh

Chức vụ: Giám đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. E-ĐKCT của hợp đồng;
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. E-HSDT và các văn bản làm E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực

hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

2. Bên B cam kết chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các chứng từ liên quan được cung cấp cho Bên A theo Hợp đồng này.

3. Bên B cam kết bảo mật đối với tất cả các hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu liên quan đến Bên A mà Bên B tiếp xúc trong quá trình thực hiện hợp đồng. Chỉ chuyển giao các hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu này cho bên thứ ba khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên A nếu các thông tin này bị tiết lộ mà nguyên nhân được xác định là do Bên B.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng: 134 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Trong đó:

- Thời gian bàn giao hàng hóa và chứng từ: trong vòng từ 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
- Thời gian nghiệm thu trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hàng hóa và chứng từ.
- Thời gian thanh toán trong vòng 14 ngày, kể từ ngày nhà thầu nộp đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán cho chủ đầu tư.

Điều 8. Phạt vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng

Ngoài quy định về Phạt và Bồi thường thiệt hại tại Mục 22 E-ĐKCT; mục E-ĐKC 22 Điều kiện cụ thể của hợp đồng, các điều kiện khác về bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm như sau:

1. Phạt vi phạm chất lượng: Nếu kết quả nghiệm thu xác nhận chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật hàng hóa không đạt yêu cầu nêu tại Phụ lục bảng giá hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng và phạt bên B 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm hoặc yêu cầu Bên B đổi hàng đạt chất lượng, đúng đặc tính kỹ thuật.

2. Phạt vi phạm xuất xứ hàng hóa: Nếu hàng được giao không đúng xuất xứ hoặc không cung cấp được chứng từ chứng minh xuất xứ theo yêu cầu nêu tại Phụ lục bảng giá

hợp đồng thì Bên B phải đổi hàng có xuất xứ đúng quy định tại hợp đồng. Nếu Bên B không đổi thì Bên A được quyền lựa chọn 1 trong 2 phương thức sau (trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản):

- a) Nhận hàng và phạt Bên B 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm;
- b) Trả lại hàng và phạt Bên B 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

Ghi chú: Nếu việc đổi hàng nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này làm chậm tiến độ cung cấp nêu tại Phụ lục bảng giá hợp đồng thì Bên B vẫn phải chịu phạt theo Mục 22 E-ĐKCT.

Điều 9. Bảo hành

Ngoài quy định bảo hành tại Mục 23 E-ĐKC và các Mục 23.3, 23.5 và 23.6 E-ĐKCT, các quy định khác về bảo hành như sau:

1. Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: Hàng hóa do Nhà thầu bàn giao được bảo hành đối với hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất và lỗi của Nhà thầu trong suốt thời gian bảo hành. Trong trường hợp hàng hóa cần phải gửi nhà sản xuất để sửa chữa thì thời gian sửa chữa kể từ khi Bên A bàn giao lại cho Bên B và đến khi Bên A nhận lại hàng không được quá tiến độ cung cấp của hàng hóa đó theo hợp đồng này. Các bộ phận, hàng hóa thay ra được trả lại cho Bên B. Mọi chi phí bảo hành do Bên B chịu.

2. Các trường hợp không được bảo hành như sau:

- Hư hỏng do lỗi của Chủ đầu tư;
- Hư hỏng do sửa chữa tại một nơi khác, không được sự ủy quyền của Nhà thầu;
- Tem bảo hành (nếu có) không còn nguyên vẹn, bị chấp vá;
- Hư hỏng do sự kiện bất khả kháng theo luật định;
- Hết thời hạn bảo hành.

3. Yêu cầu về bảo lãnh bảo hành

- Giá trị bảo hành: 5% giá hợp đồng.
- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu đưa vào sử dụng (đợt cuối) và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu; đồng thời Bên B có văn bản đề nghị hoàn trả bảo đảm nghĩa vụ bảo hành để Bên A thực hiện hoàn trả theo quy định. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (theo Mẫu số 20 Phần 4 của E-HSMT hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận).

- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: 06 tháng, kể từ hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (đợt cuối). Trường hợp sửa chữa, thay thế hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

- Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật, Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.

- Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.

- Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành

Điều 10. Đánh giá chất lượng nhà thầu

Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng nhà thầu thực hiện hợp đồng theo nguyên tắc và cách thức được Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành tại Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/4/2025 về việc ban hành hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, Chủ đầu tư giữ 03 bộ, nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU
TU'**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số ____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc

7. Hướng dẫn thiết kế mẫu đồng phục khối văn phòng và đồng phục bảo hộ lao động. Office uniform and safety uniform design guide

7.2. Đồng phục bảo hộ lao động. Safety uniforms

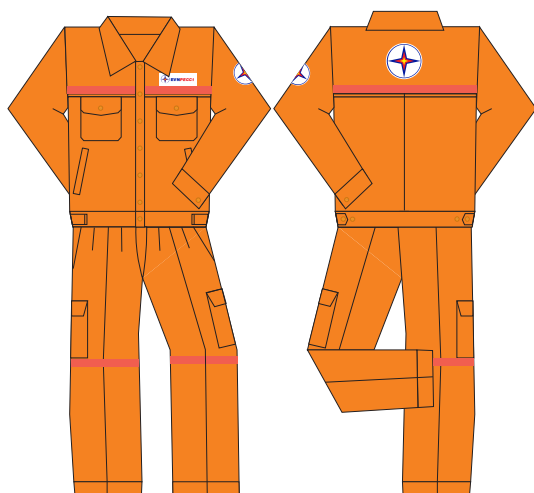
MÃ THƯ MỤC THIẾT KẾ
DESIGN FILE CODE

EVNGENCO3-P07-7.3

MẪU MŨ VÀ GIÀY BẢO HỘ LAO ĐỘNG



MẪU ĐỒNG PHỤC BẢO HỘ LAO ĐỘNG



PHÍA TRƯỚC

PHÍA SAU



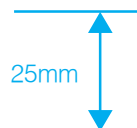
BẢNG MẪU MÀU CHO ĐỒNG PHỤC
MÀU CAM

CMYK
C0 M60 Y100 K0

Dải phản quang

Mẫu dây vải phản quang 25mm

Chiều cao
dải phản quang
chất liệu vải



Màu cam
C0 M78 Y70 K0



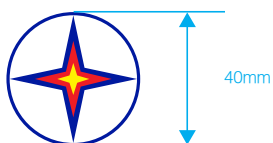
7. Hướng dẫn thiết kế mẫu đồng phục khối văn phòng và đồng phục
bảo hộ lao động. Office uniform and safety uniform design guide

MÃ THƯ MỤC THIẾT KẾ
DESIGN FILE CODE

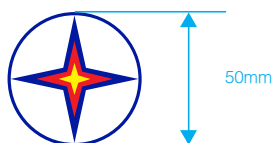
EVNGENCO3-P07-7.4

QUY ĐỊNH KÍCH THƯỚC NHÃN HIỆU TRÊN ĐỒNG PHỤC BẢO HỘ LAO ĐỘNG

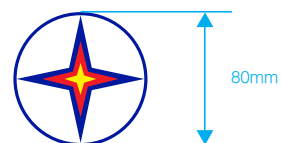
Nhãn hiệu trên mũ



Nhãn hiệu trên tay áo



Nhãn hiệu sau lưng áo



Nhãn hiệu trên ngực áo





EVN *GENCO*3

7. Hướng dẫn thiết kế mẫu đồng phục khối văn phòng và đồng phục bảo hộ lao động. Office uniform and safety uniform design guide
- 7.4. Đồng phục bảo hộ lao động có thiết kế biển tên.
Safety uniforms with name tag

MÃ THƯ MỤC THIẾT KẾ
DESIGN FILE CODE

EVNGENCO3-P07-7.7



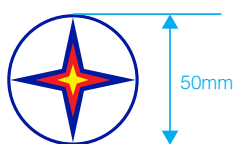
7 Hướng dẫn thiết kế mẫu đồng phục khối văn phòng và đồng phục bảo hộ lao động. Office uniform and safety uniform design guide

MÃ THƯ MỤC THIẾT KẾ
DESIGN FILE CODE

EVN-P07-7.9

ĐỒNG PHỤC BẢO HỘ LAO ĐỘNG - MẪU ÁO KHOÁC

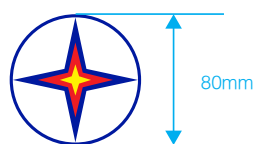
MẪU ÁO KHOÁC THU ĐỒNG



Logo tay áo



Logo ngực áo

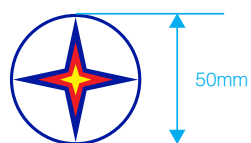


Logo sau lưng áo

BẢNG MẪU MÀU CHO ĐỒNG PHỤC
MÀU CAM



CMYK
C0 M60 Y100 K0

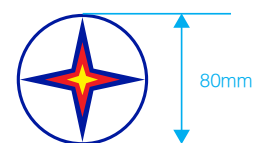


Logo tay áo



Chiều ngang logo
tùy thuộc độ dài của tên đơn vị

Logo ngực áo



Logo sau lưng áo

BẢNG MẪU MÀU CHO ĐỒNG PHỤC
MÀU CAM



CMYK
C0 M60 Y100 K0

6. Hướng dẫn thiết kế mẫu ứng dụng. Applications design guide

6.4. Vật phẩm thương hiệu. Branded items

MÃ THƯ MỤC THIẾT KẾ
DESIGN FILE CODE

EVNGENCO3-P06-6.41

6.4.1. Áo MƯA. RAINCOAT

